

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ số 28/2018/QH14, ngày 15 tháng 6 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể quốc gia;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch không gian biển quốc gia;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ - TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) công lập theo hướng tập trung ưu tiên các tổ chức KH&CN công lập trọng điểm và đặc thù,

đảm bảo tính ổn định của lưới tổ chức KH&CN công lập và tầm nhìn dài hạn của phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST), đồng thời đẩy mạnh phát triển các lưới tổ chức KH&CN công lập cung cấp dịch vụ công lĩnh vực KH&CN đa dạng về loại hình, dựa trên định hướng thị trường.

2. Phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập theo hướng mở, linh hoạt, liên kết, tạo cơ hội cho thị trường công nghệ tiếp cận và đặt hàng cho các tổ chức KH&CN công lập, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và cân bằng.

3. Phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, đáp ứng với nhu cầu của thị trường công nghệ trong nước, tham gia hiệu quả thị trường công nghệ quốc tế, phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

4. Phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập bảo đảm sự phân bố phù hợp trên phạm vi cả nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vùng, ngành, địa phương theo từng giai đoạn phát triển, phù hợp với các chiến lược và quy hoạch có liên quan và thực hiện liên kết vùng hiệu quả.

5. Phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập phù hợp với khả năng đầu tư của ngân sách Nhà nước và khả năng huy động nguồn lực của xã hội trong từng thời kỳ; khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức khác, cá nhân đầu tư thành lập tổ chức KH&CN và tham gia hoạt động KH,CN&ĐMST.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập có cơ cấu hợp lý theo định hướng ưu tiên phát triển của quốc gia, ngành và lĩnh vực, hoạt động hiệu quả, tiếp cận với chuẩn mực quốc tế, làm nền tảng để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và tầm nhìn năm 2050

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp các tổ chức KH&CN công lập nhằm nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức theo định hướng ưu tiên phát triển KH&CN quốc gia, ngành và lĩnh vực. Đến năm 2030, giảm 20% đầu mỗi các tổ chức KH&CN công lập so với năm 2017.

- Hình thành hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo (ĐMST) và trung tâm khởi nghiệp ĐMST công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhằm thúc đẩy ĐMST ở các địa phương. Năm 2025, hình thành trung tâm ĐMST, khởi nghiệp ĐMST tại 03 vùng bắc, trung, nam; 40% địa phương hình thành trung tâm ĐMST, khởi nghiệp ĐMST cấp tỉnh từ việc kiện toàn tổ chức đối với các tổ chức KH&CN công lập, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn. Đến năm 2030, 100% địa phương hình thành trung tâm ĐMST và khởi nghiệp ĐMST cấp tỉnh từ việc kiện toàn tổ chức đối với các tổ chức KH&CN công lập, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu của các tổ chức KH&CN theo tiếp cận với chuẩn quốc tế. Năm 2025, có khoảng 30 tổ chức nghiên cứu công lập được khu

vực, quốc tế xếp hạng. Đến năm 2030, có khoảng 40 tổ chức nghiên cứu công lập được khu vực, quốc tế xếp hạng.

- Đầu tư trọng điểm cho một số tổ chức KH&CN thuộc các bộ, ngành đạt trình độ khu vực và thế giới; xây dựng Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam trở thành nền tảng, trụ cột của nền khoa học và công nghệ Việt Nam; tiếp tục đầu tư đưa lĩnh vực ứng dụng năng lượng nguyên tử trở thành một lĩnh vực có đóng góp có hiệu quả cho phát triển kinh tế-xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; hình thành các tổ chức KH&CN công lập có tính liên ngành, liên vùng, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, ĐMST, khởi nghiệp ĐMST trọng điểm quốc gia. Năm 2025, đầu tư trọng điểm ít nhất 05 tổ chức KH&CN công lập tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, ĐMST, khởi nghiệp ĐMST trọng điểm quốc gia và đạt trình độ khu vực và thế giới. Năm 2030, củng cố hệ thống các tổ chức KH&CN công lập là nền tảng, trụ cột của nền KH&CN Việt Nam, trong đó tiếp tục đầu tư cho các tổ chức đã được đầu tư trọng điểm thời kỳ 2021-2025 và đầu tư trọng điểm thêm cho 15 tổ chức KH&CN công lập.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ƯU TIÊN

Phát triển các tổ chức KH&CN, tăng cả về số lượng và chất lượng. Xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ĐMST quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST; tăng cường tiềm lực của hệ thống trung tâm ĐMST, trung tâm khởi nghiệp ĐMST quốc gia, vùng, địa phương để hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, ĐMST. Hình thành và phát triển Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Hình thành các cụm liên kết ĐMST trên cơ sở liên kết các tổ chức KH&CN với các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu.

Đầu tư trọng điểm để phát triển một số tổ chức KH&CN công lập đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Rà soát, tinh gọn đầu mối các tổ chức nghiên cứu - phát triển thuộc các bộ, ngành, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với các định hướng ưu tiên về KH, CN & ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành. Củng cố, phát triển các tổ chức nghiên cứu phục vụ xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đầu tư trọng điểm để hình thành các tổ chức KH&CN thực hiện vai trò gắn kết các chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, các hệ sinh thái ĐMST, khởi nghiệp ĐMST ở các vùng, địa phương. Phát triển các tổ chức KH&CN thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trở thành các viện nghiên cứu chuyên sâu, cung cấp các công nghệ dẫn dắt, tạo lợi thế cạnh tranh, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH

Rà soát, sắp xếp hệ thống tổ chức KH&CN công lập phù hợp với các định hướng ưu tiên về KH&CN, ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc

gia, ngành, vùng, địa phương. Cụ thể như sau:

a) Hệ thống các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ và các đại học quốc gia

- Tiếp tục duy trì mỗi bộ, ngành có 01 tổ chức KH&CN thực hiện nghiên cứu chiến lược và chính sách, nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật. Các tổ chức này chủ yếu tại Hà Nội.

- Rà soát, tinh gọn đầu mối các tổ chức nghiên cứu - phát triển thuộc các bộ, ngành, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với các định hướng ưu tiên về KH, CN & ĐMST, nâng cao năng lực hạ tầng chất lượng quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành.

- Đầu tư trọng điểm phát triển một số tổ chức KH&CN thuộc các bộ, ngành đạt trình độ khu vực và thế giới. Xây dựng Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam trở thành nền tảng, trụ cột của nền khoa học và công nghệ Việt Nam.

- Phát triển hệ thống các trung tâm ĐMST, khởi nghiệp ĐMST quốc gia, ngành, lĩnh vực nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết ĐMST với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu. Tăng cường liên kết hệ thống ĐMST, khởi nghiệp ĐMST, các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài nước.

b) Hệ thống các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Tiếp tục duy trì mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 01 tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, thông tin và thống kê KH&CN và các nhiệm vụ sự nghiệp lĩnh vực KH&CN được giao trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Củng cố, phát triển các tổ chức nghiên cứu kinh tế-xã hội phục vụ xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thúc đẩy hình thành và đầu tư nâng cao năng lực hạ tầng chất lượng quốc gia cho các tổ chức KH&CN công lập hoạt động ứng dụng công nghệ, ĐMST, khởi nghiệp ĐMST tại các vùng trọng điểm gắn với lợi thế của từng khu vực, trong đó: (i) vùng Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ gắn với các khu công nghiệp, công nghệ công nghệ cao; (ii) vùng Trung du và miền núi phía Bắc gắn với các sản phẩm nông nghiệp sạch kết hợp với du lịch; (iii) vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung gắn với nông nghiệp và kinh tế biển; (iv) vùng Tây Nguyên gắn với các sản phẩm nông lâm nghiệp, chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp và du lịch; (v) vùng Đồng bằng sông Cửu Long gắn với thế mạnh là sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, trung tâm giống và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh nghiên cứu về văn hóa, tôn giáo, con người và giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với đặc điểm của các vùng miền và địa phương.

- Đầu tư trọng điểm cho các tổ chức KH&CN thực hiện vai trò gắn kết các chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, các hệ sinh thái ĐMST, khởi nghiệp ĐMST ở các vùng, địa phương.

c) Hệ thống các tổ chức KH&CN công lập thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước

- Tiếp tục duy trì các tổ chức KH&CN thực hiện nghiên cứu và phát triển trong các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư, phát triển các tổ chức KH&CN thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trở thành các viện nghiên cứu chuyên sâu, cung cấp các công nghệ dẫn dắt, tạo lợi thế cạnh tranh, phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

IV. DANH MỤC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Danh mục chương trình, dự án quan trọng của quốc gia xác định trong quy hoạch chỉ mang tính định hướng và có thể được xem xét điều chỉnh, bổ sung trong quá trình quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật. Việc phân kỳ thực hiện các chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh phù hợp tùy thuộc vào khả năng huy động các nguồn lực thực hiện.

Các dự án trọng điểm quốc gia gồm có:

1. Xây dựng, phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ trọng điểm đạt trình độ khu vực, quốc tế: Xây dựng Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam trở thành nền tảng, trụ cột của nền khoa học và công nghệ; Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trở thành hạt nhân, nòng cốt và đầu tàu về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục Việt Nam; Đầu tư cho một số các tổ chức KH&CN có tính trọng điểm vùng, liên ngành đạt trình độ quốc tế, khu vực.

2. Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, vùng.

Các dự án trọng điểm đầu tư phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đại học quốc gia, ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương do cơ quan chủ quản xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

IV. TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Để thực hiện các dự án quan trọng quốc gia trong Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn 2050 nhu cầu kinh phí dự kiến đến năm 2030 là 680.882 tỷ đồng, bao gồm:

- Kinh phí để thực hiện danh mục dự án quan trọng quốc gia ngành KH&CN (ước tính 30-40 dự án): 4.000 tỷ đồng;

- Kinh phí để thực hiện danh mục dự án đầu tư phát triển các tổ chức KH&C công lập thuộc các bộ, ngành (gồm 106 dự án): 650.585 tỷ đồng;

- Kinh phí để thực hiện danh mục dự án đầu tư phát triển các tổ chức KH&C công lập thuộc UBND cấp tỉnh (gồm 139 dự án): 26.297 tỷ đồng.

Nguồn vốn thực hiện quy hoạch gồm: Nguồn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp trung ương, vốn địa phương), vốn huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác, trong đó nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tiếp tục được thu hút để phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Một là, hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các tổ chức KH&CN công lập.

Hai là, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù việc phát triển các mô hình tổ chức KH&CN công lập liên ngành, liên vùng để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trọng tâm quốc gia có tính liên ngành, liên vùng, phát triển một số tổ chức KH&CN công lập đạt trình độ khu vực, quốc tế thông qua việc xây dựng và triển khai các đề án:

- Đề án xây dựng tổ chức KH&CN công lập liên vùng, trong đó có hệ thống các tổ chức ĐMST, khởi nghiệp ĐMST tại các địa phương;

- Đề án xây dựng và phát triển tổ chức KH&CN công lập liên ngành;

- Đề án đầu tư, phát triển tổ chức KH&CN công lập được quốc tế xếp hạng;

Ba là, hoàn thiện cơ chế, chính sách và thực hiện quyết liệt việc giải thể các tổ chức KH&CN công lập hoạt động không hiệu quả, kém hiệu quả với lộ trình phù hợp, để đẩy mạnh việc sắp xếp, tinh gọn đầu mối các tổ chức KH&CN công lập.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế và các chính sách cụ thể thu hút khối tư nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển các trung tâm ĐMST, khởi nghiệp ĐMST theo hướng các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng hỗ trợ, hạn chế các rào cản trong toàn bộ các khâu từ việc thành lập, vận hành và phát triển. Các chính sách khuyến khích, thu hút cần đi vào thực chất, lấy hiệu quả việc thành lập các trung tâm ĐMST, khởi nghiệp ĐMST tự chủ, tự chịu trách nhiệm là thước đo chính sách và cơ chế.

Năm là, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách để thu hút các nhà khoa học nước ngoài tham gia vào công tác nghiên cứu tại các tổ chức KH&CN công lập một cách có hiệu quả. Cơ chế, chính sách cần bảo đảm tháo bỏ tối đa các rào cản nhất là các rào cản thủ tục hành chính. Việc nâng cao năng lực trong hoạt động KH&CN tại các tổ chức KH&CN công lập cần đẩy mạnh việc tái đào tạo đối với chính nhân lực đang làm việc các tổ chức KH&CN công lập và sử dụng hiệu quả thước đo thị trường để đánh giá chất lượng đào tạo nhân lực KH&CN.

Sáu là, xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm tăng cường cơ chế liên kết giữa các tổ chức KH&CN với các doanh nghiệp, cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan: Tổ chức KH&CN công lập – Doanh nghiệp – Nhà nước (các cơ quan quản lý nhà nước và địa phương). Đẩy mạnh các hoạt động KH&CN có tính liên kết vùng và kết nối với thị trường KH&CN trong nước và quốc tế.

2. Giải pháp về phát triển nhân lực KH&CN và cán bộ quản lý KH&CN

2.1. Nhóm giải pháp về thể chế, chính sách

Hoàn thiện, điều chỉnh các chính sách thông qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến: sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam; tiêu chuẩn chức danh viên chức chuyên ngành KH&CN; vị trí việc làm viên trong các tổ chức KH&CN công lập; thăng hạng viên chức chuyên ngành KH&CN.

2.2. Nhóm giải pháp phát triển và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KH&CN

- Tiếp tục cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên gia KH&CN, làm cơ sở để tuyển chọn, thực hiện, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN.

- Thực hiện định kỳ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tiếp tục triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

- Thực hiện quy hoạch, bồi dưỡng, bổ nhiệm và đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý KH&CN, bảo đảm về số lượng và chất lượng.

- Thực hiện đồng bộ việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý KH&CN trên cơ sở các tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền ban hành với công tác đánh giá, sắp xếp cán bộ quản lý KH&CN theo năng lực và hiệu quả thực hiện công việc.

2.3. Nhóm giải pháp thu hút nhân lực chất lượng cao

- Tiếp tục triển khai các giải pháp chính sách về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

- Triển khai chính sách thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

3. Giải pháp về tăng cường cơ sở vật chất

- Phân bổ quỹ đất phù hợp cho phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập với các ưu đãi cụ thể như thuế, giải phóng mặt bằng, bố trí mặt bằng cho các doanh nghiệp tổ chức bộ phận hoạt động nghiên cứu và phát triển, nhất là trong các khu công nghiệp, khu sản xuất tập trung.

- Nâng cao hiệu quả và hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất của các tổ chức KH&CN công lập trên cơ sở chia sẻ tài nguyên.

- Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất có trọng điểm đối với các tổ chức KH&CN công lập mũi nhọn, được quốc tế xếp hạng, lĩnh vực trọng điểm.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu đạt chuẩn, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; đầu tư phát triển các thiết bị cho phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm trọng điểm. Hiện đại hóa các trung tâm ĐMST, khởi nghiệp ĐMST

- Thực hiện chủ trương xã hội hoá đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị đối với các tổ chức KH&CN công lập bằng hình thức góp vốn hay đầu tư trang thiết bị có trình độ kỹ thuật cao, hiện đại.

4. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là những ứng dụng của cách mạng công nghiệp 4.0 như công nghệ số, công nghệ thực tế ảo, Internet vạn vật... trong toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập nói chung, trong đó chú trọng vào ứng dụng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp theo hướng giảm thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí, liên thông, công khai, minh bạch, phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu tra cứu của nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý các nguồn lực KH, CN & ĐMST, kết nối, hỗ trợ mạng lưới các nhà quản lý, nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp từ trung ương đến địa phương.

5. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển

Liên kết chặt chẽ giữa các tổ chức KH&CN công lập trong vùng, giữa các vùng và cả nước, cũng như các tổ chức KH&CN công lập trong cùng lĩnh vực nghiên cứu, giữa các lĩnh vực nghiên cứu về:

- Đào tạo nhân lực;
- Chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động KH&CN;
- Xây dựng các nhiệm vụ KH&CN chung, có tính liên vùng, liên ngành giữa các tổ chức KH&CN công lập và ngoài công lập.

6. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền

Tăng cường thực hiện các biện pháp truyền thông nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, Chính quyền cơ sở, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan và nhân dân về vai trò quan trọng của KH&CN, kết quả của hoạt động KH&CN trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các tỉnh, thành phố và cả nước, đặc biệt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra hiện nay.

7. Giải pháp về hợp tác quốc tế

Để đẩy mạnh hội nhập quốc tế của mạng lưới quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong giai đoạn mới có hiệu quả cần triển khai thực hiện hệ thống các giải pháp sau:

- Tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế trong NC&PT, ứng dụng KH&CN, mua bán, chuyển giao các sản phẩm KH&CN, triển khai các mô hình, giải pháp đổi mới sáng tạo, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa. Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

- Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có tầm ảnh hưởng chiến lược quan trọng đối với sự phát triển KH&CN của Việt Nam, đưa các quan hệ quốc tế đã được xác lập đi vào thực chất, có chiều sâu, hướng vào hỗ trợ một số lĩnh vực KH&CN nhằm nâng cao số lượng tổ chức KH&CN công lập được quốc tế xếp hạng.

- Nâng cao năng lực thực thi hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KH&CN thông qua việc kiện toàn, củng cố và phát triển bộ máy, đội ngũ cán bộ KH&CN.

8. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

- Tăng cường nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu cho các tổ chức KH&CN công lập. Đẩy mạnh xã hội

hóa, huy động nguồn lực đầu tư từ các nhà đầu tư, các cá nhân, tổ chức, nhất là các tập đoàn, các doanh nghiệp lớn để từng bước nâng cao kinh phí đầu tư cho các tổ chức KH&CN công lập.

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển trong Quy hoạch tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

- Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án xây dựng và phát triển các tổ chức KH&CN công lập được quốc tế xếp hạng, có phạm vi hoạt động liên vùng, liên ngành.

- Ưu tiên bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

9. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh, thành phố và cả nước. Thực hiện nghiêm túc việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp Giấy đăng ký hoạt động KH&CN để đảm bảo tất cả các cơ sở tổ chức KH&CN đều được thành lập theo đúng các quy định của pháp luật.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động và nâng cao tính tự chủ của các tổ chức KH&CN công lập.

- Đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ KH&CN cho các tổ chức, các nhân có nhu cầu theo cơ chế thị trường, từng bước xã hội hóa các dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực KH&CN.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập. Tăng biên chế do thành lập mới hoặc mở rộng các tổ chức KH&CN công lập.

10. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Về tổ chức thực hiện: Bám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đến hoạt động KH&CN của các Bộ, ban, ngành Trung ương để đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền lồng ghép các nguồn lực thuộc các chương trình, đề án, kế hoạch để đầu tư cho mục tiêu phát triển hệ thống tổ chức KH&CN công lập.

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra và giám sát thực hiện quy hoạch: Xây dựng và ban hành hệ thống quy chế, quy định nhằm cụ thể hóa các yêu cầu của

pháp luật về tổ chức và hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập; Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vấn đề tiêu cực trong việc thực hiện quy hoạch.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Quy hoạch bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
3. Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.
4. Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.
5. Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ
 - Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ban, ngành trong việc xây dựng, triển khai các đề án, dự án, kế hoạch tổ chức thực hiện, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch theo quy định.
 - Tổ chức tuyên truyền các nội dung quy hoạch, lộ trình triển khai quy hoạch.
 - Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực triển khai các hoạt động thuộc đề án, quy hoạch, kế hoạch, giải pháp thực hiện quy hoạch
 - Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan trong việc xây dựng, ban hành các chính sách khuyến khích thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng các tổ chức KH&CN trên địa bàn cả nước.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 - Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ trong việc bố trí các nguồn vốn đầu tư theo Luật Đầu tư công để triển khai các nội dung quy hoạch.
 - Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng các tổ chức KH&CN trên địa bàn cả nước.
3. Bộ Tài chính
 - Thực hiện các thủ tục cấp phát, thanh quyết toán các nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước chi cho việc thực hiện các nội dung của quy hoạch đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
 - Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của các tổ chức KH&CN công lập.
 - Thẩm định, phê duyệt mức thu, chi của các tổ chức KH&CN công lập. Hướng dẫn các đơn vị tổ chức quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn thu, khoản chi trong hoạt động KH&CN.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp thực hiện trong các hoạt động sắp xếp lại các cơ sở giáo dục đại học.
5. Bộ Tài Nguyên và Môi trường

- Thẩm định việc quy hoạch, bố trí các quỹ đất để xây dựng các tổ chức KH&CN công lập

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động của các tổ chức KH&CN

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chủ động xác định và bố trí quỹ đất để xây dựng tổ chức KH&CN công lập tại địa phương mình theo Quy hoạch đã được phê duyệt.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các tổ chức KH&CN trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Các tổ chức KH&CN công lập

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện tốt Quy hoạch này.

- Tăng cường công tác truyền thông để các cấp chính quyền cơ sở, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan và Nhân dân hiểu rõ về các nội dung của Quy hoạch này, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KGVX, KTTH, TH, PL;
- Lưu: VT, KGVX (5b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục 1: Danh mục tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc các bộ, ngành, và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
A	Các Bộ				
	Bộ Ngoại Giao				
1.	Viện nghiên cứu Chiến lược ngoại giao (trực thuộc Học viện Ngoại giao)	x			
2.	Viện Nghiên cứu biển Đông (trực thuộc Học viện Ngoại giao)	x			
	Bộ Nội vụ				
3.	Viện Khoa học tổ chức nhà nước	x			
4.	Viện Nghiên cứu chính sách tôn giáo (trực thuộc Ban Tôn giáo Chính phủ)	x			
5.	Trung tâm KHKT-CN Văn thư – Lưu trữ (trực thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)		thay đổi vị trí pháp lý		
6.	Viện Nghiên cứu khoa học hành chính (trực thuộc Học viện Hành chính Quốc gia)		hợp nhất với thành một tổ chức		
7.	Viện Nghiên cứu và Phát triển (trực thuộc Đại học Nội vụ Hà Nội)				
	Bộ Tư Pháp				
8.	Viện Khoa học pháp lý	x			
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				
9.	Viện nghiên cứu quản lý Kinh tế trung ương	x			
10.	Viện chiến lược phát triển	x			
11.	Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia		Sáp nhập		
12.	Viện Khoa học thống kê (thuộc Tổng cục Thống kê)	x			
	Bộ Tài chính				
13.	Viện Chiến lược và Chính sách tài chính	x			
14.	Viện Nghiên cứu Hải quan (trực thuộc Tổng cục Hải quan)	x			
15.	Viện Kinh tế - Tài chính (trực thuộc Học viện Tài chính)	x			
16.	Viện Nghiên cứu kinh tế ứng dụng (trực thuộc Học viện Tài chính)	x			
	Bộ công thương				

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
17.	Viện Nghiên cứu chiến lược và chính sách Công Thương	x			
18.	Viện năng lượng	x			
19.	Viện Giấy và xenlulo	x			
20.	Viện Nghiên cứu Da giấy	x			
21.	Viện Nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp	x			
22.	Viện Nghiên cứu thiết kế và chế tạo máy nông nghiệp	x			
23.	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ-Luyện kim	x			
24.	Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hóa	x			
25.	Viện Nghiên cứu Cơ khí	x			
26.	Viện Công nghệ thực phẩm	x			
27.	Viện Thực phẩm	x			
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
28.	Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn	x			
29.	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	x			
30.	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	x			
31.	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	x			
32.	Viện Chăn nuôi	x			
33.	Viện Thú y	x			
34.	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	x			
35.	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I	x			
36.	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II	x			
37.	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III	x			
38.	Viện Nghiên cứu Hải sản	x			
	Các đơn vị thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam				
39.	Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm	x			
40.	Viện Nghiên cứu Rau quả	x			
41.	Viện Di truyền Nông nghiệp	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
42.	Viện Bảo vệ thực vật	x			
43.	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	x			
44.	Viện Nghiên cứu Ngô	x			
45.	Viện Môi trường Nông nghiệp	x			
46.	Viện KHKT-CN Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc	x			
47.	Viện KHKT-CN Nông nghiệp Bắc Trung Bộ	x			
48.	Viện KHKT-CN Nông nghiệp Nam Trung Bộ	x			
49.	Viện KHKT-CN Nông lâm nghiệp Tây Nguyên	x			
50.	Viện Nghiên cứu Mía đường	x			
51.	Viện KHKT-CN Nông nghiệp miền Nam	x			
52.	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long	x			
53.	Viện Cây ăn quả miền Nam	x			
54.	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ	x			
55.	Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông	x			
56.	Trung tâm Tài nguyên thực vật	x			
57.	Trung tâm Nghiên cứu Dầu tằm tơ Trung ương	x			
	Các đơn vị thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam				
58.	Viện Nghiên cứu Lâm sinh	x			
59.	Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp	x			
60.	Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng	x			
61.	Viện Nghiên cứu Sinh Thái và Môi trường rừng	x			
62.	Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
63.	Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	x			
64.	Trung tâm Nghiên cứu Bảo vệ rừng	x			
65.	Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp	x			
66.	Trung tâm Nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ	x			
67.	Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Đông Bắc Bộ	x			
68.	Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp vùng Trung tâm Bắc Bộ	x			
69.	Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Tây Bắc	x			
70.	Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ	x			
	Các đơn vị thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam				
71.	Viện Kỹ thuật Biển	x			
72.	Viện Thủy Công	x			
73.	Viện Sinh thái và Bảo vệ Công trình	x			
74.	Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia	x			
75.	Viện Nước Tươi tiêu và Môi trường	x			
76.	Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế	x			
77.	Trung tâm Tư vấn PIM	x			
78.	Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung & Tây nguyên	x			
79.	Viện Bơm và Thiết bị Thủy lợi	x			
80.	Trung tâm Phần Mềm Thủy lợi	x			
81.	Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam	x			
82.	Viện Kinh tế và Quản lý Thủy lợi	x			
83.	Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
	Bộ Giao thông Vận tải				
84.	Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông Vận tải	x			
85.	Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải	x			
86.	Viện Khoa học và công nghệ tàu thủy (thuộc Đại học Hàng hải)	x			
	Bộ Xây dựng				
87.	Viện Kinh tế xây dựng	x			
88.	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	x			
89.	Viện Vật liệu xây dựng	x			
	Bộ Tài nguyên và Môi trường				
90.	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	x			
91.	Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản	x			
92.	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	x			
93.	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	x			
94.	Viện Khoa học tài nguyên nước	x			
95.	Viện Khoa học Môi trường (trực thuộc Tổng cục Môi trường)		thay đổi vị trí pháp lý		
96.	Viện Nghiên cứu quản lý đất đai (trực thuộc Tổng cục Quản lý đất đai)		thay đổi vị trí pháp lý		
97.	Viện Nghiên cứu biển và hải đảo (trực thuộc Tổng cục Biển và hải đảo Việt Nam)		thay đổi vị trí pháp lý		
	Bộ Thông tin và Truyền thông				
98.	Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
99.	Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam	x			
100.	Viện Công nghệ thông tin và truyền thông (Trực thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)	x			
	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội				
101.	Viện Khoa học Lao động và Xã hội	x			
102.	Viện Khoa học Lao động và Xã hội (trực thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)	x			
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch				
103.	Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	x			
104.	Viện Bảo tồn di tích	x			
105.	Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (trực thuộc Tổng cục Du lịch)		thay đổi vị trí		
106.	Viện Khoa học Thể dục thể thao (trực thuộc Tổng cục Thể dục thể thao)		thay đổi vị trí		
	Bộ Giáo dục và Đào tạo				
107.	Viện Khoa học Giáo dục Việt nam	x			
108.	Viện Nghiên cứu cao cấp về toán	x			
109.	Viện Nghiên cứu thiết kế trường học	x			
110.	Viện Công nghệ Sinh học (trực thuộc Đại học Huế)		thay đổi vị trí pháp lý		
	Bộ Y tế				
111.	Viện chiến lược và Chính sách Y tế	x			
112.	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia	x			
113.	Viện Trang thiết bị và công trình y tế	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
114.	Viện kiểm nghiệm thuốc Tp. HCM	x			
115.	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn	x			
116.	Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường	x			
117.	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	x			
118.	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên	x			
119.	Viện Pasteur Nha Trang	x			
120.	Viện Pasteur Tp. HCM	x			
121.	Viện Dinh dưỡng	x			
122.	Viện Y tế công cộng Tp.HCM	x			
123.	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	x			
124.	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Tp.HCM	x			
125.	Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương	x			
126.	Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế	x			
127.	Viện Dược liệu	x			
128.	Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế	x			
129.	Trung tâm Nghiên cứu Sản xuất Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	x			
	Bộ Khoa học và Công nghệ				
130.	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	x			
131.	Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam	x			
132.	Viện Ứng dụng công nghệ	x			
133.	Viện KH&CN Việt Nam - Hàn Quốc (VKIST)	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
134.	Viện Nghiên cứu sáng chế và khai thác công nghệ	x			
135.	Viện Khoa học sở hữu và trí tuệ	x			
136.	Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ	x			
137.	Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng	x			
138.	Văn phòng Đăng ký hoạt động KH&CN	x			
139.	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông khoa học và công nghệ	x			
140.	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển hội nhập khoa học và công nghệ quốc tế	x			
141.	Văn phòng công nhận chất lượng	x			
	Các tổ chức KH&CN lĩnh vực kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường và chất lượng)				
142.	Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam	x			
143.	Viện Đo lường Việt Nam	x			
144.	Viện năng suất Việt Nam	x			
145.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1	x			
146.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2	x			
147.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3	x			
148.	Trung tâm Chứng nhận phù hợp	x			
149.	Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
150.	Trung tâm Thông tin - Truyền thông Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
151.	Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ 1	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
152.	Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ 2	x			
153.	Trung tâm Đào tạo và chuyển giao công nghệ Việt - Đức (HwC)	x			
154.	Trung tâm Mã số mã vạch quốc gia	x			
155.	Văn phòng TBT Việt Nam (Văn phòng Thông báo và hỏi đáp quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	x			
	Các tổ chức KH&CN hỗ trợ phát triển công nghệ cao (trực thuộc Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc)				
156.	Trung tâm Ươm tạo và đào tạo công nghệ cao		thay đổi vị trí nhân		
157.	Trung tâm Dịch vụ và Đổi mới Công nghệ		thay đổi vị trí nhân		
	Các tổ chức KH&CN lĩnh vực năng lượng nguyên tử (trực thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam)				
158.	Viện Nghiên cứu hạt nhân	x			
159.	Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân	x			
160.	Viện Công nghệ xạ hiếm	x			
161.	Trung tâm Nghiên cứu triển khai (thuộc Viện Công nghệ xạ hiếm)	x			
162.	Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội	x			
163.	Trung tâm Đào tạo hạt nhân	x			
164.	Trung tâm Đánh giá không phá hủy	x			
165.	Trung tâm Hạt nhân Tp.HCM	x			
166.	Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp	x			
167.	Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ bức xạ	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
	Các tổ chức KH&CN lĩnh vực khởi nghiệp ĐMST (trực thuộc Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN)				
168.	Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia	x			
B	Cơ quan Ngang bộ				
	Ủy ban Dân tộc				
169.	Viện Chiến lược và Chính sách Dân tộc	x			
	Thanh tra Chính phủ				
170.	Viện Chiến lược và Khoa học Thanh tra	x			
	Ngân hàng Nhà nước				
171.	Viện Chiến lược ngân hàng	x			
C	Cơ quan thuộc chính phủ				
	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam			Giảm 04 đơn vị	
172.	Viện Triết học	x			
173.	Viện Tâm lý học	x			
174.	Viện Xã hội học	x			
175.	Viện Sử học	x			
176.	Viện Khảo cổ học	x			
177.	Viện Dân tộc học	x			
178.	Viện Văn học	x			
179.	Viện Ngôn ngữ học	x			
180.	Viện Nghiên cứu Hán - Nôm	x			
181.	Viện Kinh tế Việt Nam	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
182.	Viện Nhà nước và Pháp luật	x			
183.	Viện Nghiên cứu Văn hóa	x			
184.	Viện Nghiên cứu Con người	x			
185.	Viện Nghiên cứu Tôn giáo	x			
186.	Viện Địa lý nhân văn	x			
187.	Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới	x			
188.	Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ	x			
189.	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ	x			
190.	Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên	x			
191.	Viện Kinh tế và Chính trị thế giới	x			
192.	Viện Nghiên cứu Trung Quốc	x			
193.	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á	x			
194.	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á	x			
195.	Viện Nghiên cứu Châu Âu	x			
196.	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ	x			
197.	Viện Nghiên cứu phát triển bền vững Vùng	x			
198.	Viện thông tin Khoa học xã hội	x			
199.	Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin	x			
200.	Trung tâm phân tích và dự báo		Sáp nhập		
201.	Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam		Sáp nhập		
202.	Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông		Sáp nhập		

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
203.	Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á		Sáp nhập		
204.	Viện Nghiên cứu Kinh thành		Sáp nhập		
205.	Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi				x trên cơ sở tổ chức lại 05
	Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam			Giảm 04 đơn vị	
206.	Viện toán học	x			
207.	Viện Vật Lý	x			
208.	Viện Hóa Học	x			
209.	Viện Hóa học và hợp chất thiên nhiên	x			
210.	Viện Cơ học	x			
211.	Viện Sinh thái và tài nguyên thực vật	x			
212.	Viện Địa lý	x			
213.	Viện Địa chất	x			
214.	Viện Vật lý toàn cầu	x			
215.	Viện Hải dương học	x			
216.	Viện Tài nguyên và Môi trường biển	x			
217.	Viện Địa chất và Địa vật lý biển	x			
218.	Viện Khoa học vật liệu	x			
219.	Viện Công nghệ thông tin	x			
220.	Viện Công nghệ sinh học	x			
221.	Viện Công nghệ hóa học	x			
222.	Viện Công nghệ vũ trụ	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
223.	Viện Cơ học và Tin học ứng dụng	x			
224.	Viện Sinh học nhiệt đới	x			
225.	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	x			
226.	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	x			
227.	Viện Hóa sinh biển	x			
228.	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	x			
229.	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	x			
230.	Viện Nghiên cứu hệ Gen	x			
231.	Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Công nghệ cao	x			
232.	Trung Tâm tin học và Tính toán	x			
233.	Viện Khoa học Năng lượng		Sáp nhập		
234.	Viện công nghệ môi trường		Sáp nhập		
235.	Viện Vật lý ứng dụng và TBKH		Sáp nhập		
236.	Viện nghiên cứu và ứng dụng công nghệ Nha Trang		Sáp nhập		
237.	Viện nghiên cứu khoa học Miền Trung		Sáp nhập		
238.	Viện Địa lý tài nguyên TP.HCM		Sáp nhập		
239.	Viện vật lý TP. HCM		Sáp nhập		
240.	Viện sinh thái học Miền Nam		Sáp nhập		
241.	Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao Công nghệ		Sáp nhập		
242.	Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường				x

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
243.	Trung tâm Thông tin - Tư liệu				x
	Bảo hiểm xã hội Việt Nam				
244.	Viện Khoa học Bảo hiểm xã hội	x			
	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh				
245.	Trung tâm Khoa học, công nghệ và môi trường	x			
D	Các Đại học Quốc gia				
	Đại học Quốc gia Hà Nội				
246.	Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học	x			
247.	Viện Tài nguyên và Môi trường	x			
248.	Trung tâm Chuyển giao tri thức và Hỗ trợ khởi nghiệp	x			
249.	Viện Công nghệ Thông tin	x			
250.	Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển	x			
251.	Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục	x			
252.	Trung tâm Dự báo và Phát triển nguồn nhân lực	x			
	Các tổ chức KH&CN thuộc các đơn vị thành viên ĐHQGHN				
253.	Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Môi trường và Phát triển bền vững (trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)	x			
254.	Trung tâm Nano và Năng lượng (trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)	x			
255.	Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Công nghệ Enzym và Protein (trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
256.	Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ phân tích phục vụ kiểm định môi trường và an toàn thực phẩm (trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)	x			
257.	Phòng thí nghiệm trọng điểm Địa môi trường và ứng phó Biến đổi khí hậu (trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)	x			
258.	Phòng thí nghiệm trọng điểm Phát triển năng lượng Sinh học (trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)	x			
259.	Phòng thí nghiệm trọng điểm Khoa học tính toán đa tỉ lệ cho các hệ phức hợp (trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)	x			
260.	Phòng Thí nghiệm trọng điểm Vật liệu tiên tiến ứng dụng trong phát triển xanh (trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)	x			
261.	Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Kinh doanh (trực thuộc Trường Đại học Kinh tế)	x			
262.	Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (trực thuộc Trường Đại học Kinh tế)	x			
263.	Trung tâm Dữ liệu và Phân tích Kinh tế - xã hội (trực thuộc Trường Đại học Kinh tế)	x			
264.	Viện Chính sách và Quản lý (trực thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)	x			
265.	Trung tâm Nghiên cứu Biển và Hải đảo (trực thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)	x			
266.	Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (CEI) - Khoa Quản trị và Kinh doanh (nay là Trường Quản trị và Kinh doanh)	x			
267.	Trung tâm nghiên cứu Khoa học quản lý và Quản trị An ninh phi truyền thống NSMS (trực thuộc Trường Quản trị và Kinh doanh)	x			
268.	Trung tâm Đào tạo và Chuyển giao Khoa học Công nghệ (trực thuộc Viện Công nghệ Thông tin)	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
269.	Phòng thí nghiệm trọng điểm Hệ thống tích hợp thông minh – SISLAB (trực thuộc Trường Đại học Công nghệ)	x			
270.	Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ Micro-nano - MINATECH (trực thuộc Trường Đại học Công nghệ)	x			
271.	Viện Tiên tiến về Kỹ thuật và Công nghệ - AVITECH (trực thuộc Trường Đại học Công nghệ)	x			
272.	Trung tâm nghiên cứu Điện tử Viễn thông (trực thuộc Trường Đại học Công nghệ)	x			
273.	Trung tâm Nghiên cứu và hỗ trợ pháp lý (trực thuộc Khoa Luật)	x			
274.	Trung tâm Nghiên cứu Luật biển và hàng hải quốc tế (trực thuộc Khoa Luật)	x			
	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh				
275.	Viện Tài nguyên và Môi trường	x			
276.	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Thiết kế vi mạch	x			
277.	Viện Công nghệ Nano	x			
278.	Trung tâm Quản lý nước và Biến đổi khí hậu	x			
279.	Trung tâm Nghiên cứu Vật liệu Cấu trúc Nano và Phân tử	x			
280.	Trung tâm Sở hữu trí tuệ và Chuyên gia công nghệ	x			
281.	Văn phòng Chương trình Tây Nam Bộ	x			
	Các tổ chức KH&CN trực thuộc đơn vị thành viên Đại học Quốc gia Tp HCM				
282.	Trung tâm tin học (trực thuộc Trường Đại học Khoa học tự nhiên)	x			
283.	Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn Tài nguyên thiên nhiên (trực thuộc Trường Đại học Khoa học tự nhiên)	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
284.	Trung tâm Văn hóa học Lý luận và Ứng dụng (trực thuộc Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn)	x			
285.	Trung tâm Việt Nam và Đông Nam Á (trực thuộc Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn)	x			
286.	Trung tâm Hàn Quốc học (trực thuộc Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn)	x			
287.	Trung tâm Phát triển Công nghệ Thông tin (trực thuộc Trường Đại học Công nghệ Thông tin)	x			
288.	Trung tâm Nghiên cứu thiết bị và Công nghệ cơ khí Bách Khoa (trực thuộc Trường Đại học Bách khoa)	x			
289.	Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Công nghệ (trực thuộc Trường Đại học Bách khoa)	x			
290.	Trung tâm Công nghệ Thông tin Địa lý (trực thuộc Trường Đại học Bách khoa)	x			
291.	Trung tâm Kỹ thuật Điện toán (trực thuộc Trường Đại học Bách khoa)	x			
292.	Trung tâm Nghiên cứu vật liệu Polyme (trực thuộc Trường Đại học Bách khoa)	x			
293.	Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Đào tạo Quản trị Doanh nghiệp (trực thuộc Trường Đại học Bách khoa)	x			
294.	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Xây dựng (trực thuộc Trường Đại học Bách khoa)	x			
295.	Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Lọc Hóa dầu (trực thuộc Trường Đại học Bách khoa)	x			
296.	Phòng Thí nghiệm trọng điểm Điều khiển số và Kỹ thuật hệ thống (trực thuộc Trường Đại học Bách khoa)	x			
297.	Trọng điểm Polyme và Compozit (trực thuộc Trường Đại học Bách khoa)	x			
298.	Trung tâm Địa tin học (trực thuộc Khu Công nghệ phần mềm)	x			

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
299.	Trung tâm Nghiên cứu Di truyền và Sức khỏe sinh sản (trực thuộc Khoa Y)	x			
E	Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước				
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam				
300.	Viện Dầu khí Việt Nam	x			
	Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam				
301.	Viện khoa học công nghệ Mỏ	x			
302.	Viện cơ khí năng lượng mỏ	x			
	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam				
303.	Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam	x			
	Tổng Công ty Thép (thuộc Bộ Công thương)				
304.	Viện Luyện kim đen	x			
	Tổng công ty Giấy (thuộc Bộ Công thương)				
305.	Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy	x			
	Tổng công ty Máy động lực và máy nông nghiệp (thuộc Bộ Công thương)				
306.	Viện Công nghệ	x			

Phụ lục 2: Danh mục tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh

TT	Tên tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Giữ ổn định tổ chức	Tổ chức lại	Giải thể	Thành lập mới
	Vùng 1: Vùng trung du và miền núi phía bắc (14 tỉnh)				
	Bắc Giang				
1.	Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ	x			
	Bắc Kạn				
2.	Trung tâm Ứng dụng Khoa học-Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Cao Bằng				
3.	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	x			
	Điện Biên				
4.	Trung tâm Thông tin và ứng dụng tiến bộ KHCN	x			
5.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Hà Giang				
6.	Trung tâm Thông tin và Chuyên gia công nghệ mới	x			
7.	Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Hòa Bình				
8.	Trung tâm Ứng dụng, Thông tin khoa học và công nghệ	x			
9.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Lai Châu				
10.	Trung tâm Kiểm định và Phát triển khoa học và công nghệ	x			
	Phú Thọ				
11.	Trung tâm Ứng dụng và Thông tin khoa học và công nghệ	x			
12.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Lạng Sơn				
13.	Trung tâm Ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ và đo lường, chất lượng sản phẩm	x			
	Lào Cai				
14.	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	x			

15.	Trung tâm Kiểm định và kiểm nghiệm hàng hóa	x			
	Sơn La				
16.	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học và công nghệ	x			
17.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
18.	Trung tâm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo				x
19.	Trung tâm quốc gia nghiên cứu về khoa học công nghệ cao trong nông nghiệp				x
	Thái Nguyên				
20.	Trung tâm Phát triển khoa học và công nghệ	x			
21.	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	x			
	Tuyên quang				
22.	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ	x			
	Yên Bái				
23.	Trung tâm Ứng dụng, kỹ thuật, thông tin khoa học và công nghệ	x			
	Vùng 2: Vùng đồng bằng sông Hồng (11 tỉnh, thành phố)				
	Bắc Ninh				
24.	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh	x			
25.	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ	x			
26.	Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh				x
	Hà Nam				
27.	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN và Kiểm định, kiểm nghiệm	x			
	Hà Nội				
28.	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	x			
29.	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ	x			
30.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Hải Dương				

31.	Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ và Khảo nghiệm giống	x			
32.	Trung tâm Đo lường, Thử nghiệm và Thông tin khoa học	x			
	Hải Phòng				
33.	Trung tâm Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ	x			
34.	Trung tâm Phát triển khoa học-công nghệ và Đổi mới sáng tạo	x			
35.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	x			
	Hung Yên				
36.	Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ	x			
37.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	x			
	Nam Định				
38.	Trung tâm Ứng dụng, dịch vụ khoa học và công nghệ	x			
	Ninh Bình				
39.	Trung tâm Ứng dụng, thông tin khoa học và công nghệ và Đo lường thử nghiệm	x			
	Quảng Ninh				
40.	Trung tâm Ứng dụng và thống kê khoa học và công nghệ	x			
41.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	x			
	Thái Bình				
42.	Trung tâm Ứng dụng, Thông tin khoa học công nghệ và Đo lường thử nghiệm	x			
	Vĩnh Phúc				
43.	Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo (Hình thành trên cơ sở Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN và Trung tâm Thông tin KH&CN và tin học)				x
44.	Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	x			
	Vùng 3: Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền trung (14 tỉnh, thành phố)				
	Bình Định				
45.	Trung tâm Thông tin - Ứng dụng khoa học và công nghệ	x			

46.	Trung tâm Phân tích và Đo lường chất lượng	x			
47.	Trung tâm Khám phá Khoa học và Đổi mới sáng tạo	x			
48.	Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội	x			
49.	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	x			
	Bình Thuận				
50.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
51.	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	x			
	Đà Nẵng				
52.	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng	x			
53.	Trung tâm Công nghệ Sinh học Đà Nẵng	x			
54.	Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và Tư vấn chuyên giao công nghệ Đà Nẵng	x			
55.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất Lượng	x			
56.	Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đà Nẵng	x			
	Hà Tĩnh				
57.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
58.	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	x			
59.	Trung tâm Nghiên cứu phát triển Nấm và Tài nguyên sinh vật	x			
	Khánh Hòa				
60.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
61.	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	x			
	Nghệ An				
62.	Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ	x			
63.	Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn (Chuyển đổi thành Viện Nghiên cứu kinh tế-xã hội Nghệ An)		Thay đổi vị trí pháp lý		
64.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
65.	Trung tâm Thông tin khoa học, công nghệ và tin học	x			

	Ninh Thuận				
66.	Trung tâm Thông tin- Ứng dụng Tiến bộ khoa học và công nghệ	x			
67.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Phú Yên				
68.	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	x			
	Quảng Bình				
69.	Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm	x			
70.	Trung tâm Ứng dụng và Thống kê KH&CN	x			
	Quảng Nam				
71.	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	x			
	Quảng Ngãi				
72.	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ	x			
	Quảng Trị				
73.	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin khoa học và công nghệ	x			
74.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Thanh Hóa				
75.	Trung tâm Thông tin - Ứng dụng - Chuyển giao khoa học và công nghệ	x			
76.	Trung tâm Dịch vụ và Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
77.	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	x			
78.	Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa	x			
79.	Viện Nghiên cứu kinh tế - xã hội				x
80.	Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thanh Hóa (chuyên vị trí pháp lý từ trực thuộc Đại học Hồng Đức, đến năm 2030 chuyển thành trực thuộc UBND Tỉnh)		thay đổi vị trí pháp lý		
	Thừa Thiên Huế				
81.	Trung tâm Đo lường, Thử nghiệm và Thông tin khoa học	x			
82.	Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ	x			
83.	Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung	x			
84.	Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế	x			

85.	Trung tâm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thừa Thiên Huế	x			
Vùng 4: Vùng Tây Nguyên (05 tỉnh)					
Đắk Lắk					
86.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
87.	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học và công nghệ	x			
Đắk Nông					
88.	Trung tâm Thông tin, kỹ thuật và ứng dụng khoa học và công nghệ	x			
89.	Trung tâm Công nghệ sinh học (Thay đổi vị trí pháp lý giai đoạn 2021-2030)		thay đổi vị trí pháp lý		
90.	Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao				x
Gia Lai					
91.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
92.	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	x			
93.	Trung tâm Khởi nghiệp, Đổi mới sáng tạo và Dữ liệu lớn tỉnh Gia Lai				x
Kon Tum					
94.	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ	x			
95.	Trung tâm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học				x
Lâm Đồng					
96.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
97.	Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ	x			
Vùng 5: Vùng Đông Nam Bộ (06 tỉnh, thành phố)					
Bà Rịa Vũng Tàu					
98.	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học và công nghệ	x			
99.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
100.	Khu Khoa học và Công nghệ biển				x

101.	Trạm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ Côn Đảo				x
102.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ				x
	Đồng Nai				
103.	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	x			
	Tây Ninh				
104.	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	x			
	Bình Dương				
105.	Trung tâm Tư vấn - Phát triển tỉnh Bình Dương	x			
106.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
107.	Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ	x			
108.	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	x			
109.	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	x			
	Bình Phước				
110.	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	x			
	Thành Phố Hồ Chí Minh				
111.	Viện Khoa học an toàn vệ sinh lao động Thành phố	x			
112.	Trung tâm Công nghệ Sinh học	x			
113.	Trung tâm Nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ cao	x			
114.	Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao	x			
115.	Trung tâm Ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao	x			
116.	Trung tâm Tư vấn Ứng dụng Kinh tế TP. HCM (trực thuộc Viện Nghiên cứu Phát triển)	x			
117.	Trung tâm Dịch vụ phân tích thí nghiệm	x			
118.	Trung tâm Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý	x			
119.	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	x			
120.	Trung tâm Thông tin và thống kê khoa học và công nghệ	x			
121.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng TP.HCM (SMEQ)	x			
122.	Viện Khoa học và Công nghệ tính toán	x			

123.	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	x			
124.	Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao	x			
125.	Viện Công nghệ tiên tiến và đổi mới sáng tạo (thành lập mới trên cơ sở hợp nhất 04 tổ chức KH&CN hiện có, gồm:(1) Trung tâm Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý; (2) Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN; (3) Viện Khoa học và Công nghệ tính toán; (4) Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao)				x
	Vùng 6: Vùng đồng bằng sông Cửu Long (13 tỉnh, thành phố)				
	An Giang				
126.	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ	x			
127.	Trung tâm Công nghệ sinh học	x			
	Bạc Liêu				
128.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
129.	Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ	x			
130.	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ	x			
	Bến Tre				
131.	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	x			
	Kiên giang				
132.	Trung Tâm khoa học, công nghệ và môi trường	x			
	Cà Mau				
133.	Trung tâm Phân tích, kiểm nghiệm	x			
134.	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ	x			
135.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Cần Thơ				
136.	Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ	x			
137.	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ	x			
138.	Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc	x			
139.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			

140.	Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo Thành phố Cần Thơ				x
	Đồng Tháp				
141.	Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm	x			
	Hậu giang				
142.	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học và công nghệ	x			
143.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Long An				
144.	Trung tâm Ứng dụng, Kỹ thuật, Thông tin khoa học và công nghệ	x			
	Sóc Trăng				
145.	Trung tâm Ứng Dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	x			
146.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x			
	Tiền Giang				
147.	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học và công nghệ	x			
148.	Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học	x			
149.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				
	Trà Vinh				
150.	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ tỉnh Trà Vinh	x			
151.	Trung tâm Thông tin, thống kê khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	x			
	Vĩnh Long				
152.	Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ	x			
153.	Trung tâm Thông tin, Thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	x			

**Phụ lục 3: Danh mục dự án quan trọng quốc gia
ngành Khoa học và Công nghệ**

TT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	
		Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030
1	Xây dựng Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trở thành nền tảng, trụ cột của nền khoa học và công nghệ Việt Nam	x	x
2	Xây dựng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam trở thành nền tảng, trụ cột của nền khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam	x	x
3	Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội trở thành hạt nhân, nòng cốt và đầu tàu về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục Việt Nam	x	x
4	Xây dựng Đại học Quốc gia TP. HCM trở thành hạt nhân, nòng cốt và đầu tàu về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục Việt Nam	x	x
5	Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	x	x
6	Đầu tư cho một số các tổ chức KH&CN có tính trọng điểm vùng, liên ngành đạt trình độ quốc tế, khu vực (dự kiến 20 tổ chức)	x	x